

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ GIANG**

Số: /2021/QĐ-UBND
(DỰ THẢO)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Giang, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách công
cộng bằng xe buýt địa bàn tỉnh Hà Giang**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 06 năm 2015,
Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 06 năm
2015;*

Căn cứ Luật Giao thông đường bộ ngày 13 tháng 11 năm 2008;

*Căn cứ Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2020 của
Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;*

*Căn cứ Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29 tháng 05 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải
bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số/TTr-
SGTVT ngày tháng năm 2021, ý kiến thẩm định của Sở tư pháp tại văn
bản số/STP-XDKTVB ngày tháng năm 2021.*

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày tháng năm 2021.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, Thủ trưởng các ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố và các đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận

- Như điều 3;
- Bộ GTVT;
- Cục kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp)
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VPUBND tỉnh;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CVNCTH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn

QUY ĐỊNH

**Về quản lý hoạt động vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt
trên địa bàn tỉnh Hà Giang**

*(Kèm theo Quyết định số: /2021/QĐ-UBND ngày tháng năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Giang)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định việc quản lý và khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt; hành khách đi xe buýt và tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc quản lý, khai thác vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh Hà Giang.

Chương II

**TỔ CHỨC ĐIỀU HÀNH HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI
HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG BẰNG XE BUÝT**

Điều 3. Kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt

1. Điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt thực hiện theo khoản 1, khoản 2, khoản 3, khoản 4, khoản 5 Điều 30 của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT ngày 29/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT).

2. Ngoài việc tuân thủ quy định tại khoản 1 Điều này; điểm đầu, điểm cuối, điểm dừng và nhà chờ xe buýt phải thỏa mãn các điều kiện quy định tại điểm h, khoản 4, Điều 18 của Luật Giao thông đường bộ năm 2008 và điểm 2.5, khoản 2, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông quy định tại Thông tư số 01/2016/TT-BXD ngày 01/02/2016 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng (QCVN07-4:2016/BXD).

3. Quy định vạch dừng xe buýt:

Thực hiện theo quy định tại Thông tư số 54/2019/TT-BGTVT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải ban hành Quy chuẩn kỹ thuật

quốc gia về báo hiệu đường bộ (QCVN 41:2019/BGTVT); các loại phương tiện khác và người đi bộ không được dừng đỗ trong phạm vi kẻ vạch và trong khoảng 15 mét từ vị trí vạch về 02 (hai) phía theo phương dọc của đường.

4. Việc di dời điểm dừng xe buýt, nhà chờ xe buýt chỉ được thực hiện trong trường hợp để sửa chữa, mở rộng đường giao thông hoặc có sự thay đổi về tổ chức giao thông, sự thay đổi về lộ trình hoạt động của tuyến xe buýt làm cho điểm dừng xe buýt, nhà chờ xe buýt bị mất tác dụng hoặc khi có kiến nghị hợp lý của tổ chức, cá nhân liên quan.

5. Trên các tuyến quốc lộ, khi lắp đặt biển báo điểm dừng, nhà chờ, Sở Giao thông vận tải có văn bản gửi cơ quan quản lý tuyến quốc lộ để thống nhất trước khi thực hiện.

Điều 4. Quản lý, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động xe buýt

Việc Quản lý, đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phục vụ hoạt động cho xe buýt thực hiện theo quy định tại Điều 31 của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

Điều 5. Phương tiện vận chuyển

1. Tiêu chuẩn xe buýt:

a) Xe buýt hoạt động phải đủ điều kiện được quy định tại khoản 2 Điều 5 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ quy định về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (sau đây gọi tắt là Nghị định số 10/2020/NĐ-CP); khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 29 của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT và bảo đảm chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với ô tô khách thành phố quy định tại Thông tư số 90/2015/TT-BGTVT ngày 31/12/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải (QCVN 10:2015/BGTVT).

b) Doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến phải đăng ký với Sở Giao thông vận tải về màu sơn đặc trưng của xe buýt.

c) Xe buýt phải gắn thiết bị giám sát hành trình quy định tại khoản 1 Điều 12 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP, thiết bị giám sát hành trình phải đảm bảo các yêu cầu quy định tại khoản 3 điều 12 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP và phải lắp camera giám sát trên xe, đảm bảo các yêu cầu quy định tại khoản 2 Điều 13 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

2. Niêm yết thông tin:

Việc niêm yết trên xe buýt thực hiện theo khoản 4 Điều 29 của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

3. Việc quảng cáo tại nhà chờ xe buýt, trên xe buýt (bên trong lẫn bên ngoài thành xe buýt) thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về quảng cáo; nội dung quảng cáo phải đảm bảo yếu tố thẩm mỹ, phù hợp với văn hóa, phong tục, tập quán người Việt Nam. Chỉ được thực hiện quảng cáo sau khi có văn bản đồng ý, hướng dẫn của Sở Văn hóa và Thể thao

Điều 6. Số hiệu tuyến xe buýt

1. Số hiệu tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh được đặt theo quy định tại Quyết định phê duyệt danh mục mạng lưới tuyến xe buýt cố định nội tỉnh và liên kê trên địa bàn tỉnh của Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Số hiệu tuyến xe buýt giữa các tỉnh liên kê do Sở Giao thông vận tải Hà Giang thỏa thuận với các Sở Giao thông vận tải các tỉnh liên kê.

Điều 7. Thời gian và tần suất hoạt động xe buýt

1. Thời gian xe buýt phục vụ trong ngày của từng tuyến được xác định trên cơ sở đảm bảo nhu cầu đi lại của người dân nơi tuyến xe buýt đi qua và được quy định trong biểu đồ chạy xe.

2. Tần suất xe chạy đối với các tuyến xe buýt không được vượt quá 30 (ba mươi) phút/lượt xe xuất bến; trong trường hợp đặc biệt, nếu tần suất vượt quá quy định phải được sự chấp thuận của Sở Giao thông vận tải.

Điều 8. Vé xe buýt

1. Có 2 loại vé: Vé lượt và vé bán trước.

a) Vé lượt là chứng từ để khách sử dụng đi một lượt trên một tuyến xe buýt.

b) Vé bán trước là chứng từ để khách sử dụng đi lại thường xuyên trong thời gian một tháng hoặc dài hơn, trên một hoặc nhiều tuyến xe buýt.

2. Ngoài các loại vé nêu trên, doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến được phát hành vé ưu tiên (miễn hoặc giảm giá vé) cho trẻ em dưới 6 tuổi, người khuyết tật, người cao tuổi, người có công, học sinh, sinh viên và các đối tượng chính sách khác.

3. Giá vé xe buýt được niêm yết công khai tại nhà chờ (kể cả giá vé cho các đối tượng được miễn giảm) và trên xe buýt.

4. Giá vé trên các tuyến xe buýt không trợ giá do doanh nghiệp vận tải kê khai và niêm yết theo đúng quy định của Bộ Tài chính và Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện giá cước vận tải đường bộ và giá dịch vụ hỗ trợ vận tải đường bộ.

Điều 9. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt

1. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt phải đảm bảo các điều kiện quy

định tại điểm a, điểm c khoản 3 Điều 34 Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

2. Người lái xe buýt phải đảm bảo các điều kiện về sức khỏe, độ tuổi và hạng giấy phép lái xe phù hợp theo quy định tại Điều 58, Điều 59, Điều 60 Luật Giao thông đường bộ năm 2008.

Điều 10. Mạng lưới tuyến xe buýt tỉnh Hà Giang

Ủy ban nhân dân tỉnh Quyết định phê duyệt mạng lưới tuyến xe buýt trên địa bàn Hà Giang theo đề xuất của Sở Giao thông vận tải, bao gồm việc bổ sung tuyến mới, hủy bỏ tuyến đã có; lộ trình hủy bỏ tuyến cố định nội tỉnh và lộ trình chuyển đổi tuyến cố định nội tỉnh thành tuyến xe buýt nội tỉnh, vị trí các điểm dừng và nhà chờ xe buýt.

Chương III

QUẢN LÝ KHAI THÁC TUYẾN XE BUÝT

Điều 11. Điều kiện tham gia khai thác tuyến

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt phải đảm bảo điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 5 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP ngày 17/01/2020 của Chính phủ.

2. Các tuyến xe buýt phải nằm trong danh mục mạng lưới tuyến xe buýt được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách trúng thầu hoặc được đặt hàng khai thác tuyến theo quy định tại Điều 12 của quy định này.

Điều 12. Lựa chọn đơn vị khai thác tuyến

1. Đặt hàng, đấu thầu khai thác tuyến xe buýt không có trợ giá:

a) Thực hiện theo quy định tại Mục 1, Mục 2, Chương III của Nghị định số 32/2019/NĐ-CP.

b) Sở Giao thông vận tải xây dựng tiêu chí, điều kiện lựa chọn đơn vị khai thác tuyến vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt và tổ chức thực hiện.

2. Thời hạn giao khai thác tuyến: Theo hợp đồng khai thác tuyến giữa Sở Giao thông vận tải và đơn vị được đặt hàng hoặc trúng thầu nhưng tối đa không quá 5 năm.

Điều 13. Quy định về công bố mở tuyến, ngừng khai thác trên tuyến, đóng tuyến xe buýt; bổ sung xe, thay thế xe buýt khai thác trên tuyến

Doanh nghiệp, hợp tác xã công bố mở tuyến, ngừng khai thác trên tuyến, đóng tuyến xe buýt; bổ sung xe, thay thế xe buýt khai thác trên tuyến thực hiện theo quy định tại Điều 32 và khoản 1, khoản 2 Điều 34 của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

Điều 14. Thu hồi quyền khai thác tuyến

1. Doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến xe buýt bị thu hồi quyền khai thác tuyến trong các trường hợp sau:

a) Bị thu hồi giấy phép kinh doanh vận tải theo quy định tại khoản 6 Điều 19 của Nghị định số 10/2020/NĐ-CP.

b) Không chấp hành sự điều động của các cơ quan có thẩm quyền trong các tình huống khẩn cấp như: phòng chống thiên tai, bão lụt, cứu hộ, cứu nạn.

2. Giám đốc Sở Giao thông vận tải căn cứ quy định tại khoản 1 Điều này và các quy định khác có liên quan ban hành Quyết định thu hồi quyền khai thác tuyến sau khi xin ý kiến chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh và thông báo đến các cơ quan liên quan để phối hợp thực hiện.

3. Doanh nghiệp, hợp tác xã bị thu hồi quyền khai thác tuyến không được tham gia đấu thầu hoặc đặt hàng khai thác tuyến đã bị thu hồi trước đó.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Điều 15. Trách nhiệm của Sở Giao thông vận tải

1. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt:

a) Danh mục mạng lưới các tuyến xe buýt cố định nội tỉnh và liên kê.

b) Các chính sách khuyến khích, ưu đãi đối với hành khách đi lại bằng xe buýt và doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh.

2. Quản lý vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Điều 33 Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

3. Thống nhất với Sở Giao thông vận tải các tỉnh liên quan trong việc công bố mở, điều chỉnh, dừng hoạt động đối với tuyến xe buýt liên kê sau khi được sự chấp thuận của Ủy ban nhân dân tỉnh.

4. Quyết định lựa chọn mẫu nhà chờ, biển báo điểm dừng xe buýt áp dụng trên địa bàn tỉnh; phê duyệt chủ trương đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ cho xe buýt hoạt động.

5. Chỉ đạo Thanh tra Sở Giao thông vận tải tăng cường công tác thanh kiểm tra xử lý vi phạm Luật Giao thông đường bộ và các quy định có liên quan trong hoạt động xe buýt.

6. Hướng dẫn các doanh nghiệp, hợp tác xã xây dựng nội quy khai thác tuyến xe buýt và hoạt động kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt đúng quy định.

7. Quyết định phê duyệt biểu đồ chạy xe trên các tuyến xe buýt; mở, ngừng hoạt động, điều chỉnh biểu đồ, hành trình, tần suất chạy xe đối với các tuyến xe buýt trên địa bàn tỉnh.

8. Kiểm tra, yêu cầu các doanh nghiệp, hợp tác xã đầu tư phương tiện, đúng tiêu chuẩn, đạt yêu cầu về chất lượng và tiêu chuẩn an toàn kỹ thuật bảo vệ môi trường trong hoạt động khai thác.

9. Ban hành quy chế và tổ chức thực hiện đấu thầu, đặt hàng lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến xe buýt. Ký hợp đồng khai thác tuyến với doanh nghiệp, hợp tác xã trúng thầu hoặc được đặt hàng. Trong hợp đồng phải thể hiện rõ phương án khai thác tuyến bao gồm: tên tuyến, số hiệu tuyến, nhãn hiệu xe, sức chứa của xe, giá vé, biểu đồ chạy xe trên tuyến, thời hạn hợp đồng.

10. Xử lý theo thẩm quyền các vi phạm của tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện quy định này và các quy định pháp luật hiện hành về hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

Điều 16. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Hướng dẫn thực hiện các chính sách, chế độ quản lý tài chính đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã đăng ký kinh doanh vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong việc thực hiện đấu thầu, đặt hàng lựa chọn doanh nghiệp, hợp tác xã khai thác tuyến xe buýt.

Điều 17. Trách nhiệm của Sở Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với các sở, ban ngành liên quan thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn, thẩm định chủ trương đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các tuyến xe buýt; tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh cân đối, bố trí các nguồn vốn đầu tư trong kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm.

Điều 18. Trách nhiệm của Công an tỉnh

1. Chỉ đạo Phòng Cảnh sát giao thông và Công an các huyện, thành phố, tuần tra, kiểm soát, xử lý các trường hợp xe buýt vi phạm Luật Giao thông đường bộ và các quy định có liên quan trong hoạt động vận tải khách bằng xe buýt; chỉ đạo xử lý nghiêm các hành vi gây mất trật tự an toàn xã hội.

2. Chỉ đạo Phòng Cảnh sát giao thông phối hợp với Thanh tra Sở Giao thông vận tải tổ chức tuần tra, kiểm soát, kiểm tra xử lý nghiêm các trường hợp xe buýt vi phạm quy tắc giao thông đường bộ.

3. Kịp thời cung cấp thông tin cho Sở Giao thông vận tải đối với các trường hợp xử lý xe buýt vi phạm trật tự an toàn giao thông.

Điều 19. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố

1. Tuyên truyền phổ biến, quán triệt các quy định của pháp luật về hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt và quy định này đến các doanh nghiệp, hợp tác xã có liên quan và nhân dân trên địa bàn địa phương.

2. Phối hợp với Sở Giao thông vận tải trong công tác tổ chức, quản lý hoạt động vận tải hành khách bằng xe buýt.

3. Căn cứ tình hình thực tế ở địa phương, thống nhất với Sở Giao thông vận tải bố trí, lắp đặt các nhà chờ, biển báo đón, trả khách trên các tuyến xe buýt qua địa bàn địa phương quản lý.

4. Chỉ đạo các phòng chức năng của huyện, thành phố; Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn quản lý, kiểm tra, giám sát hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe buýt trên địa bàn.

5. Thông tin kịp thời đến Sở Giao thông vận tải những vấn đề bức xúc mà xã hội quan tâm có liên quan đến hoạt động xe buýt trên địa bàn huyện, thành phố.

Điều 20. Quyền hạn và trách nhiệm của doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt

Thực hiện theo quy định tại Điều 35 của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

Điều 21. Quyền hạn và trách nhiệm của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe buýt

Thực hiện theo quy định tại Điều 36 của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

Điều 22. Quyền hạn và trách nhiệm của hành khách đi xe buýt

Thực hiện theo quy định tại Điều 37 của Thông tư số 12/2020/TT-BGTVT.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 23. Điều khoản thi hành

1. Giao Sở Giao thông vận tải tổ chức triển khai thực hiện; thường xuyên theo dõi, tổng hợp và báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình thực hiện quy định này về Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Căn cứ vào nhiệm vụ và trách nhiệm của đơn vị mình, các Sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, các tổ chức, đơn vị liên quan có trách nhiệm chủ trì hoặc phối hợp tổ chức thực hiện quy định này.

3. Giám đốc các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách bằng xe buýt trên địa bàn tỉnh triển khai quy định này đến nhân viên, người lao động của đơn vị biết và chịu trách nhiệm về thực hiện quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu Chính phủ và Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải có quy định mới hoặc thực tiễn có phát sinh vấn đề mới thì Sở Giao thông vận tải trình Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung, thay đổi quy định này cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Sơn